TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số 100/2024/HS-ST Ngày 07/06/2024	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga;

Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 98/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 05 năm 2024 theo Quyết định đưa ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 05 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng A, sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn A1, xã A2, huyện K, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn A3 và con bà Trần Thị A4; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; họ tên vợ: Dương Thị Mai A5, sinh năm 1996; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ ngày 29/12/2023, đến ngày 01/01/2024 hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị A6, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn A7, xã A2, huyện K, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Đức A8, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn A9, xã A10, huyện K, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Nguyễn Minh B, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn A11, xã A10, huyện K, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Nguyễn Việt A5, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn A9, xã A10, huyện K, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

5. Chị Phùng Thị Thanh C, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn C1, xã A10, huyện K, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

6. Chị Bùi Thúy D, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn D1, xã D2, huyện K, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/12/2023, Nguyễn Hồng A đến công an huyện K để đầu thú về hành vi cho vay lãi nặng với hình thức cho vay trả góp cả gốc cả lãi (hay gọi là bốc bát họ) và cho vay lãi ngày khi khách có nhu cầu.

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Hồng A: 01 điện thoại Iphone 6, màu ghi xám có số Imei: 359305069717890.

Ngày 29/12/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện K ra lệnh khám xét chỗ ở của Nguyễn Hồng A tại thôn A1, A2, K, Hà Nội nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ việc.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Hồng A khai nhận: Bản thân A làm nghề tự do, chủ yếu đi ship hàng hóa cho khách khi có người thuê, lương tháng khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, thu nhập từ việc đi ship hàng hóa cho khách là nguồn sống chủ yếu. Ngoài ra do mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt A5, chị Phùng Thị Thanh C, chị Bùi Thúy D nên A có cho những người này vay tiền lấy lãi. Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2023 đến tháng 11/2023, một mình A tự bỏ tiền cá nhân của A ra cho khách vay tiền dưới hình thức cho vay trả góp cả gốc cả lãi (hay gọi là bốc bát họ), người vay sẽ phải trả góp số tiền vay cả gốc cả lãi trong vòng 60 ngày, số tiền lãi là 20% tổng số tiền vay trong vòng 60 ngày. Ngoài ra, A còn cho vay lãi ngày theo thỏa thuận. Khách vay tiền của A không cần thế chấp, đặt cược tài sản gì. Giữa các bên không ký hợp đồng hay giấy tờ gì khác vì là khách quen biết. Quá trình cho vay lãi nặng A sử dụng tài khoản ngân hàng MB Bank số 0976863993 để chuyển tiền, nhận tiền đóng trả góp cả gốc cả

lãi của người vay và cho vay bằng tiền mặt, nhận tiền đóng cả gốc cả lãi của khách bằng tiền mặt. A cho 06 khách vay tiền, cụ thể:

Người thứ nhất: A cho chị Nguyễn Thị A6, sinh năm 1991; trú tại: D2, A2, K, Hà Nội vay tổng 04 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/4/2023, A cho chị A6 vay 15.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. A cắt 300.000 đồng tiền gốc và lãi ngày đầu và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 0865836691 ngân hàng MB Bank của chị A6 số tiền 14.700.000 đồng.

A thỏa thuận với chị A6 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 300.000 đồng trong vòng 60 ngày. Như vậy, số tiền lãi A thu được với khoản vay này là 3.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 2.506.849 đồng.

Lần 2: Ngày 15/5/2023, A cho chị A6 vay số tiền 5.000.000 đồng trong 10 ngày. A cắt trước tiền lãi 10 ngày số tiền 250.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 0865836691 ngân hàng MB Bank của chị A6 số tiền 4.750.000 đồng. Đến ngày trả tiền gốc chị A6 không trả được nên chuyển số tiền đã vay từ lãi ngày sang hình thức trả góp trong 60 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi 100.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi A thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng. Số tiền lãi của 10 ngày là 250.000 đồng tương ứng với lãi suất 182.5%/năm, gấp 9,1 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 222.603 đồng

Lần 3: Ngày 10/7/2023, A cho chị A6 vay số tiền 6.800.000 đồng trong 01 ngày. A sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 0865836691 ngân hàng MB Bank của chị A6 số tiền 6.800.000 đồng. A thỏa thuận với chị A6 tiền lãi 01 ngày là 300.000 đồng tương ứng với lãi suất 1.610%/năm, gấp 80,5 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 296.274 đồng.

Lần 4: Ngày 25/08/2023, A cho chị A6 vay số tiền 2.000.000 đồng trong 30 ngày. A cắt trước tiền lãi 30 ngày số tiền 400.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 0865836691 ngân hàng MB Bank của chị A6 số tiền 1.600.000 đồng. Như vậy số tiền lãi của 30 ngày là 400.000 đồng tương ứng với lãi suất 243,33%/năm, gấp 12,2 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 367.123 đồng.

Tổng số tiền 04 lần A cho chị A6 vay là 28.800.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, tương đương với số tiền lãi tối đa A được hưởng với các khoản vay của 04 lần trên là 721.535 đồng. Như vậy, số tiền A hưởng lợi đối với khoản vay trên là 4.228.465 đồng. Chị A6 đã thanh toán trả hết tiền gốc và lãi cho A.

Người thứ 2: A cho anh Nguyễn Đức A8, sinh năm 1980; trú tại: A9, A10, K, Hà Nội vay tổng 10 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 31/05/2023, A cho A8 vay số tiền là 50.000.000 đồng trong 30 ngày. A đã cắt lãi trước 15 ngày số tiền là 2.500.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1980826666 ngân hàng MB Bank của anh A8 số tiền 47.500.000 đồng. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày vay, anh A8 phải trả cả gốc và lãi cho A số tiền còn lại là 52.500.000 đồng. A được hưởng số tiền lãi là 5.000.000 đồng tương ứng với lãi suất 121,7%/năm, gấp 6,08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 4.178.082 đồng.

Lần 2: Ngày 26/8/2023, A cho A8 vay số tiền là 40.000.000 đồng. trong 30 ngày. A cắt lãi trước 15 ngày là 2.000.000 đồng và trừ 2.500 000 đồng tiền nợ cũ nên A sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1980826666 ngân hàng MB Bank của anh A8 số tiền 35.500.000 đồng. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày vay, anh A8 phải trả cả gốc lãi cho A số tiền là 42.000.000 đồng. A được hưởng số tiền lãi là 4.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất 121,7%/năm, gấp 6,08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 3.342.466 đồng.

Lần 3: Ngày 31/8/2023, A cho A8 vay số tiền là 30.000.000 đồng. trong 30 ngày. A cắt lãi trước 30 ngày là 3.000.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1980826666 ngân hàng MB Bank của anh A8 số tiền là 27.000.000 đồng. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày vay, anh A8 phải trả gốc cho A số tiền là 30.000.000 đồng. A được hưởng số tiền lãi là 3.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất 121,7%/năm, gấp 6,08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 2.506.849 đồng.

Lần 4: Ngày 21/9/2023, A cho A8 vay số tiền là 60.000.000 đồng. trong 30 ngày. A cắt lãi trước 30 ngày là 6.000.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1980826666 ngân hàng MB Bank của anh A8 số tiền là 54.000.000 đồng. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày vay, anh A8 phải trả gốc cho A số tiền là 60.000.000 đồng. A được hưởng số tiền lãi

là 6.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất 121,7%/năm, gấp 6,08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 5.013.699 đồng.

Lần 5: Ngày 03/10/2023, A cho A8 vay số tiền 40.000.000 đồng, trong 01 ngày. A thỏa thuận tiền lãi 01 ngày là 500.000 đồng. A sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1980826666 ngân hàng MB Bank của anh A8 số tiền là 40.000.000 đồng. A được hưởng số tiền lãi là 500.000 đồng tương ứng với lãi suất 456,3%/năm, gấp 22,8 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 478.083 đồng.

Lần 6: Ngày 06/10/2023, A cho A8 vay số tiền 40.000.000 đồng. trong 30 ngày. A cắt lãi trước 15 ngày là 2.000.000 đồng và trừ 1.000.000 đồng tiền nợ cũ nên A sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1980826666 ngân hàng MB Bank của anh A8 số tiền là 37.000.000 đồng. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày vay, anh A8 phải trả cả gốc lãi cho A số tiền là 42.000.000 đồng. A được hưởng số tiền lãi là 4.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất 121,7%/năm, gấp 6,08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 3.342.466 đồng.

Lần 7: Ngày 07/10/2023, A cho A8 vay số tiền 40.000.000 đồng. trong 02 ngày. A thỏa thuận số tiền lãi 02 ngày là 500.000 đồng. A sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1980826666 ngân hàng MB Bank của anh A8 số tiền là 40.000.000 đồng .A được hưởng tiền tiền lãi là 500.000 đồng tương ứng với lãi suất 228,1%/năm, gấp 11,4 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 456.164 đồng.

Lần 8: Ngày 16/10/2023, A cho A8 số tiền 40.000.000 đồng trong 01 ngày. A thỏa thuận số tiền lãi 01 ngày là 500.000 đồng. A trừ nợ cũ là 3.000.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1980826666 ngân hàng MB Bank của anh A8 số tiền là 37.000.000 đồng. A được hưởng tiền lãi là 500.000 đồng tương ứng với lãi suất 456,3%/năm, gấp 22,8 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 478.083 đồng.

Lần 9: Ngày 20/10/2023, A cho A8 vay số tiền 40.000.000 đồng. trong 03 ngày. A thỏa thuận số tiền lãi 03 ngày là 500.000 đồng. A trừ nợ cũ là 3.000.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1980826666 ngân hàng MB Bank của anh A8 số tiền là 37.000.000 đồng. A được hưởng tiền lãi là 500.000 đồng tương ứng với lãi suất 152,2%/ năm,

gấp 7,6 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 434.247 đồng.

Lần 10: Ngày 24/10/2023, A cho A8 vay số tiền là 50.000.000 đồng trong 01 ngày và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1980826666 ngân hàng MB Bank của anh A8 số tiền là 50.000.000 đồng. A thỏa thuận tiền lãi trong 01 ngày là 500.000 đồng. A được hưởng tiền lãi là 500.000 đồng, tương ứng với lãi suất 365%/năm, gấp 18,1 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 427.603 đồng.

Tổng số tiền 10 lần A cho anh Nguyễn Đức A8 vay là 430.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, tương đương với số tiền lãi tối đa A được hưởng với các khoản vay trên là 3.797.258 đồng. Như vậy, số tiền A hưởng lợi đối với khoản vay trên là 20.702.742 đồng. Anh A8 đã thanh toán trả hết tiền gốc và lãi cho A.

Người thứ 3: A cho anh Nguyễn Minh B, sinh năm 1990; trú tại: Thôn A11, A10, K, Hà Nội vay tổng 04 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 14/10/2023, A cho anh B vay số tiền 15.000.000 đồng theo hình thức trả góp trong 60 ngày. A cắt gốc và lãi 02 ngày đầu 600.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1014776088 ngân hàng Vietcombank của anh B số tiền 14.400.000 đồng. A thỏa thuận với anh B hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 300.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi A thu được với khoản vay này là 3.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 2.506.849 đồng.

Lần 2: Ngày 23/10/2023, A cho B vay số tiền 10.000.000 đồng trong 30 ngày. A cắt trước lãi của 30 ngày là 1.000.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1014776088 ngân hàng Vietcombank của anh B số tiền 9.000.000 đồng. A được hưởng tiền lãi là 1.000.000 đồng tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 3: Ngày 09/11/2023, A cho B vay số tiền 5.000.000 đồng trong 10 ngày. A cắt trước tiền lãi 10 ngày là 250.000 đồng và trừ 500.000 đồng tiền nợ trước của anh B. A sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1014776088 ngân hàng Vietcombank của anh B số tiền 4.250.000 đồng. A được hưởng tiền lãi là 250.000 đồng tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,1 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 222.603 đồng.

Lần 4: ngày 29/11/2023, A cho B vay 10.000.000 đồng trong 10 ngày. A cắt trước tiền lãi 10 ngày là 500.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1014776088 ngân hàng Vietcombank của anh B số tiền 9.500.000 đồng. A được hưởng tiền lãi 500.000 đồng tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,1 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 445.205 đồng.

Tổng số tiền 04 lần A cho Nguyễn Minh B vay là 40.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, tương đương với số tiền lãi tối đa A được hưởng với các khoản vay trên là 739.727 đồng. Như vậy, số tiền A hưởng lợi đối với khoản vay trên là 4.010.273 đồng. Anh B đã thanh toán trả hết tiền gốc và lãi cho A.

Người thứ 4: A cho Nguyễn Việt A5, sinh năm: 1975, trú tại: A9, A10, K, Hà Nội vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 30/3/2023, A cho anh Việt A5 vay 30.000.000 đồng trong 60 ngày. A cắt trước tiền gốc và lãi 05 ngày là 3.000.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 19036982115014 Techcombank của anh Việt A5 số tiền 27.000.000 đồng.

A thỏa thuận với anh Việt A5 hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 600.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi A thu được với khoản vay này là 6.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 5.013.699 đồng.

Tổng số tiền A cho anh Nguyễn Việt A5 vay là 30.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, tương đương với số tiền lãi tối đa A được hưởng với khoản vay trên là 986.301 đồng. Như vậy, số tiền A hưởng lợi đối với khoản vay trên là 5.013.699 đồng. Anh Việt A5 đã thanh toán trả hết tiền gốc và lãi cho A.

Người thứ 5: A cho chị Phùng Thị Thanh C, sinh năm 1975, trú tại: C1, A10, K, Hà Nội vay tổng 05 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 04/4/2023, A cho chị C vay 10.000.000 đồng trong 60 ngày. A cắt gốc và lãi 1.000.000 đồng của 5 ngày đầu và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1008111975 Vpbank của chị C số tiền 9.000.000 đồng. A thỏa thuận với chị C hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi A thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao

nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 2: Ngày 10/5/2023, A cho chị C vay 5.000.000 đồng trong 60 ngày. A trừ tiền nợ của bát họ ngày 04/4/2023 và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1008111975 Vpbank của chị C số tiền 4.400.000 đồng. A thỏa thuận với chị C hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi A thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Lần 3: Ngày 05/6/2023, A cho chị C vay 20.000.000 đồng trong 60 ngày. A trừ 800.000 đồng của bát họ ngày 10/5/2024 và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1008111975 Vpbank của chị C số tiền 19.200.000 đồng. A thỏa thuận với chị C hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 400.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi A thu được với khoản vay này là 4.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 3.342.466 đồng.

Lần 4: Ngày 08/7/2023, A cho chị C vay 10.000.000 đồng trong 60 ngày. A cắt gốc và lãi 03 ngày đầu là 600.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1008111975 Vpbank của chị C số tiền 9.400.000 đồng. A thỏa thuận với chị C hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 200.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi A thu được với khoản vay này là 2.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 5: Ngày 25/7/2023, A cho chị C vay 15.000.000 đồng trong 60 ngày. A cắt gốc và lãi 02 ngày đầu là 600.000 đồng và sử dụng tài khoản 0976863993 ngân hàng MB Bank của A chuyển vào tài khoản 1008111975 Vpbank của chị C số tiền 14.400.000 đồng. A thỏa thuận với chị C hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 300.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi A thu được với khoản vay này là 3.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 2.506.849 đồng.

Tổng số tiền 05 lần A cho chị Phùng Thị Thanh C vay là 60.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản

vay, tương đương với số tiền lãi tối đa A được hưởng với các khoản vay trên là 1.808.383 đồng. Như vậy, số tiền A hưởng lợi đối với khoản vay trên là 10.027.397 đồng. Chị C đã thanh toán trả hết tiền gốc và lãi cho A.

Người thứ 6: A cho chị Bùi Thúy D, sinh năm 1974; trú tại: D1, D2, K, Hà Nội vay 01 lần, cụ thể:

Đầu tháng 01/2023, A cho chị D vay 5.000.000 đồng trong 60 ngày. A đưa tiền mặt cho chị D (không có giấy tờ). A thỏa thuận với chị D hàng ngày phải trả cả gốc cả lãi 100.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi A thu được với khoản vay này là 1.000.000 đồng trong 60 ngày tương ứng với lãi suất 121.7%/năm, gấp 6.08 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính là 835.616 đồng.

Tổng số tiền A cho chị Bùi Thúy D vay là 5.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, tương đương với số tiền lãi tối đa A được hưởng với các khoản vay trên là 164.384 đồng. Như vậy, số tiền A hưởng lợi đối với khoản vay trên là 835.616 đồng. Chị D đã thanh toán trả hết tiền gốc và lãi cho A.

Đối với số tiền thu lời bất chính 44.818.192 đồng từ việc cho vay lãi nặng, A đã chi tiêu cá nhân hết. Ngoài cho chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C, chị Bùi Thúy D vay tiền hình thức lãi nặng ra A không cho người nào khác vay lãi nặng.

Đối với 01 điện thoại Iphone 6, màu ghi xám có số Imei: 359305069717890 thu giữ của A, bị cáo A khai sử dụng vào liên lạc giao dịch cho vay lãi nặng. Do sim có số 0976863993 A sử dụng liên lạc bị hỏng nên A vứt đi không rõ ở đâu nên không còn lưu trong máy khi bị thu giữ. Hiện A đã hủy và không dùng số điện thoại này.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C, chị Bùi Thúy D vay tiền của A đều sử dụng mục đích chi tiêu sinh hoạt, làm ăn cá nhân, không sử dụng vào mục đích vi phạm pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hồng A đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người liên quan chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C, chị Bùi Thúy D và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 99/CT-VKSGL ngày 16 tháng 05 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Hồng A về tội "*Cho vay lãi*

nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C và chị Bùi Thúy D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó có lời khai: Các anh chị giữ nguyên các lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung gì. Việc vay và trả nợ giữa các anh chị và bị cáo A là tự nguyện đồng thời các anh chị cũng đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi cho bị cáo A. Bị cáo A đã trả và các anh chị đã nhận lại số tiền bị cáo A thu lợi bất chính khi cho các anh chị vay. Nay các anh chị không có yêu cầu, đề nghị gì liên quan đến số tiền nợ gốc và nợ lãi mà các anh chị đã trả cho bị cáo A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng; sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Hồng A từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ 03 ngày (từ ngày 29/12/2023 đến 01/01/2024) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn từ 14 tháng 21 ngày đến 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ; giao bị cáo Nguyễn Hồng A cho UBND xã A2, huyện K, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập để sung công quỹ nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ điều 3 Nghị Quyết số 01/2021/NQ- HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo, buộc bị cáo phải nộp số tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Iphone 6, màu ghi xám có số Imei: 359305069717890 thu giữ của bị cáo, do liên quan đến hành vi phạm tội.

Về biện pháp tư pháp:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C và chị Bùi Thúy D xác nhận đã được bị cáo A trả lại tiền thu lợi bất chính và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Toàn bộ số tiền bị cáo A dùng để cho vay là 593.800.000 đồng và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 8.381.808 đồng.

Trong phần tranh luận,

Bị cáo nêu quan điểm: Tuy bị cáo có cho chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C và chị Bùi Thúy D vay tổng số tiền là 593.800.000 đồng nhưng thực chất số tiền gốc bị cáo cho vay được quay vòng, bị cáo chỉ có hơn 100.000.000 đồng để cho vay nên đề nghị xem xét giảm số tiền cho vay bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K nêu quan điểm: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự thì: *Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với khoản tiền, tài sản khác người phạm tội dùng để cho vay*. Trong vụ án này, bị cáo đã cho chị A6, anh A8, anh B, anh Việt Anh, chị C và chị D vay tổng số tiền là 593.800.000 đồng nên buộc bị cáo phải nộp số tiền dùng để cho vay là 593.800.000 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C và chị Bùi Thúy D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C, chị Bùi Thúy D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của chị A6, anh A8, anh B, anh Việt Anh, chị C và chị D không gây trở ngại cho việc xét xử. Theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị A6, anh A8, anh B, anh Việt Anh, chị C và chị D.

[3] *Về hành vi phạm tội và tội danh*:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2023 đến tháng 11/2023 tại A1, A2, K, Hà Nội bị cáo Nguyễn Hồng A đã có hành vi cho chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C và chị Bùi Thúy D vay tổng số tiền 593.800.000 đồng, thu số tiền lãi 53.200.000 đồng, trong đó: Tiền lãi tối đa A được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.381.808 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 44.818.192 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ đồng thời xâm phạm đến quyền lợi về tài sản của công dân. Bị cáo nhận thức được việc cho vay tiền với mức lãi suất vượt quá 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ luật Dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*"; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo*:

[4.1] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại về tài sản cho người vay đồng thời là nguyên nhân phát sinh ra các loại tội phạm mang tính côn đồ và bạo lực như: Cố ý gây thương tích, cưỡng đoạt tài sản, bắt

giữ người trái pháp luật... làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tác hại và hậu quả gây ra nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với động cơ vụ lợi cá nhân nên cần thiết phải xử lý nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung; góp phần đấu tranh phòng chống tệ nạn "tín dụng đen" và các tội phạm khác có liên quan.

[4.2] *Về nhân thân bị cáo*: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; trong thời gian tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật khác.

4.3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi tội phạm bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện ra trình diện và khai báo về hành vi phạm tội của mình Như vậy, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự thì: *Trường hợp người thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng mà các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nhưng tổng số tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên...., không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự*. Do vậy, xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tổng hợp nhận định ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là người lao động có thu nhập, trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt chính sách, pháp luật của nhà nước và quy định tại địa phương nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo đồng thời phù hợp với nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Lời đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện K tại phiên toà không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4.5] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện: Bị cáo là lao động tự do và đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên

không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Đối với chiếc điện thoại Iphone 6, màu ghi xám có số Imei: 359305069717890 thu giữ của bị cáo Nguyễn Hồng A là phương tiện có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6] *Về biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự,

Đối với số tiền bị cáo A dùng để cho vay là 593.800.000 đồng và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 8.381.808 đồng là tiền bạc liên quan trực tiếp đến tội phạm nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C và chị Bùi Thúy D xác nhận đã được bị cáo A trả lại tiền thu lợi bất chính và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét; nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi đương sự có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phạm tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] *Về các nội dung khác*: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C, chị Bùi Thúy D vay tiền của A đều sử dụng mục đích chi tiêu sinh hoạt, làm ăn cá nhân, không sử dụng vào mục đích vi phạm pháp luật. A đã trả lại tiền thu lợi bất chính cho chị A6, anh A8, anh B, anh Việt Anh, chị C và chị D là phù hợp với quy định của pháp luật nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng A phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

2. *Về hình phạt*:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng A 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

2.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại Iphone 6, màu ghi xám có số Imei: 359305069717890, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Hồng A (Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K ngày 22/05/2024).

4. *Về các biện pháp tư pháp*: Áp dụng Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự,

4.1. Buộc bị cáo Nguyễn Hồng A phải nộp số tiền dùng để cho vay là 593.800.000 đồng và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 8.381.808 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước.

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C và chị Bùi Thúy D xác nhận đã được bị cáo A trả lại tiền thu lợi bất chính và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét; nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi đương sự có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Bị cáo Nguyễn Hồng A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị A6, anh Nguyễn Đức A8, anh Nguyễn Minh B, anh Nguyễn Việt Anh, chị Phùng Thị Thanh C và chị Bùi Thúy D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề trực

tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã A2 (thay cho Thông báo kết quả xét xử);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Trọng